Name: ……..

Class: S7

Tel: 034 200 9294

Vocabulary: ……

Listening: ……

Mini Test: ……

Ngày GV giao bài: Thứ …… ngày ……/…….

Ngày HS nộp bài: Thứ …… ngày ……/…….

HAPPY NEW YEAR

VOCABULARY & SPEAKING

Lưu ý: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

A. VOCABULARY

New Year (Năm mới)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**resolution** (n)	quyết tâm, lời hứa thay đổi bản thân vào đầu năm mới	9	**sparkler** (n)	pháo hoa cầm tay
2	**celebration** (n)	lễ kỷ niệm, sự ăn mừng	10	**banner** (n)	biểu ngữ, băng rôn
3	**optimism** (n)	sự lạc quan	11	**parade** (n)	cuộc diễu hành
4	**reflection** (n)	sự suy ngẫm, sự chiêm nghiệm về quá khứ	12	**festivity** (n)	lễ hội, hoạt động ăn mừng
5	**blessing** (n)	phước lành, điều may mắn	13	**zodiac** (n)	cung hoàng đạo, con giáp
6	**fresh start** (n phr.)	khởi đầu mới	14	**firework display** (n phr.)	màn trình diễn pháo hoa
7	**clean slate** (n phr.)	tờ giấy trắng, sự làm lại từ đầu	15	**ring in the new year** (phr.v)	chào đón năm mới
8	**countdown timer** (n phr.)	đồng hồ đếm ngược			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**archaeology** (n)	khảo cổ học	6	**antique** (adj)	cổ, có giá trị lịch sử
2	**thrilled** (adj)	rất phấn khích, vui sướng	7	**second-hand** (adj)	đã qua sử dụng, đồ cũ
3	**tuck** (v)	giấu vào, nhét vào	8	**pottery** (n)	đồ gốm
4	**excavation** (n)	sự khai quật	9	**foreign banknote** (n phr.)	tiền giấy nước ngoài
5	**virtually** (adv)	gần như, hầu như	10	**come up with** (phr.v)	nghĩ ra, đưa ra ý tưởng

***Note:** *n = noun: danh từ;* *n phr. = noun phrase: cụm danh từ;* *adj = adjective: tính từ;*
v = verb: động từ; *phr.v = phrasal verb: cụm động từ;* *adv = adverb: trạng từ*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

0. When someone is talking, it's polite to _____ and listen carefully.

A. catch on *B. fall for* *(C.) hang on a minute* *D. ancestry*

1. A _____ is a personal goal or decision made to improve oneself in the new year.

A. celebration B. blessing C. parade D. resolution

2. Many cultures use the lunar calendar to determine their _____ for the year.

A. countdown B. zodiac C. firework display D. sparkler

3. At the stroke of midnight, people often use sparklers and fireworks to mark the moment and _____ in the new year.

A. play B. ring C. hand D. make

4. The idea of a(n) "_____" symbolizes forgetting past mistakes and beginning again.

A. resolution B. clean slate C. optimism D. reflection

5. We set a _____ to watch the seconds tick away until midnight and cheered as the New Year began.

A. blessing B. zodiac C. countdown timer D. start

II. Fill in the blanks with the correct words/ phrases given in the box below. Some words/ phrases may not be used.

~~***resolution***~~	**celebration**	**firework display**	**timer**
reflection	**zodiac**	**optimism**	**fresh start**

Every year, people write down their New Year's *(0)* ***resolution*** to set personal goals for the year ahead. The New Year is a time for both joy and introspection. Around the world, people welcome the year with music, dancing, and elaborate (1) _____ that light up the night sky. This time of year is often seen as an opportunity for a(n) (2) _____, a symbolic way to leave past mistakes behind and move forward.

For many, the New Year is also a moment of (3) _____, when they reflect on their achievements and challenges from the previous year. Even when times are tough, people approach the future with (4) _____, believing that better days are on the horizon. Whether it's spending time with loved ones or joining a grand public (5) _____, everyone has their unique way of starting the year with hope and joy.

III. Complete the words using the clues given.

0. an object or a piece of equipment that has been designed to do a particular job	*D **E** **V** **I** C **E***
1. something that brings happiness or a positive outcome, often related to good fortune or approval	B ___ ___ ___ ___ I ___ ___
2. activities or events that involve celebration, joy, and entertainment	___ ___ S T ___ ___ ___ T ___
3. a public procession or display of people, vehicles, or floats, often to celebrate a holiday or event	P ___ ___ A ___ ___
4. a long strip of cloth or material bearing a slogan, message, or decoration, often used in celebrations or parades	___ A ___ N ___ ___
5. a handheld firework that produces bright, sparkling light when lit	___ ___ A R ___ ___ E ___

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý:
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Part 4

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
https://drive.google.com/file/d/1E6xIT0GfPNADki_S8IsOJKVYVpFwEqnR/view?usp=sharing

26 For each question, choose the correct answer.

You will hear a chef talking about his career.

20 When Paul left school,
- **A** he got a job as a chef in a hotel.
- **B** he opened a shop.
- **C** he did several different jobs.

21 Paul's first restaurant job was
- **A** boring but well paid.
- **B** difficult but interesting.
- **C** enjoyable but dangerous.

22 When did Paul begin his working day?
- **A** at two o'clock
- **B** in the early morning
- **C** at 12.00 midday

23 Part of Paul's current job as head chef involves
- **A** deciding who works in the kitchen.
- **B** ordering the food for the restaurant.
- **C** cooking the food every night.

24 Paul says that to be a good chef you must
- **A** wash a lot of floors.
- **B** work well with others.
- **C** cook things very fast.

25 What does Paul say about cooking in a top restaurant?
- **A** You need to use high quality ingredients.
- **B** The customers think they're always right.
- **C** You have to serve complicated meals.

LIVEWORKSHEETS

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
https://drive.google.com/file/d/1TPMrzBqx0KUAwe_aGGJ84-yLjBfcbiIv/view?usp=sharing

Test 1 Exam practice — Listening • Part 3

8 You will hear five short extracts in which teenagers are talking about finding a valuable object by chance. For questions **19–23**, choose from the list (**A–H**) what each speaker says about the experience.
Use the letters only once. There are three extra letters which you do not need to use.

Tip! Remember that you will hear five different speakers, but you have eight options to choose from. Read carefully through the options before you start listening, so that you know what information you're listening for when the recording starts.

A. It gave me an idea for something useful.

B. I wanted to keep it but didn't.

C. I found out something surprising about it.

D. I helped return it to its owner.

E. I got a reward for finding it.

F. It started a new hobby for me.

G. I helped to make sure it wasn't lost again.

Speaker 1 ☐ **19**

Speaker 2 ☐ **20**

Speaker 3 ☐ **21**

Speaker 4 ☐ **22**

Speaker 5 ☐ **23**

LIVEWORKSHEETS